****

**Thúc đẩy Đối thoại Liên Văn hoá và Văn hoá Hoà bình**

**ở Đông Nam Á thông qua nền tảng Lịch Sử Chung**

**Chủ đề 3:**

**Lúa gạo và Gia vị**

**Bản dịch không chính thức. Xin xem bản tiếng Anh nếu cần kiểm chứng.**

**Giới thiệu**

Chủ đề ***Lúa gạo và Gia vị*** nghiên cứu tầm quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá và chính trị của lúa gạo và gia vị, những nguồn tài nguyên có giá trị nhất ở Đông Nam Á. Qua cách tiếp cận đa ngành, học sinh sẽ nhận thức được rằng thức ăn không chỉ là nguồn dinh dưỡng và là một trong những nhu yếu phẩm cho sự sinh tồn, thức ăn và văn hoá ẩm thực còn liên quan tới nghi lễ, cơ cấu xã hội, giai cấp và cho ta biết nhận thức của con người về nơi chốn, lịch sử, văn hoá, bản sắc và mối liên hệ lẫn nhau. Khi xem xét về việc sản xuất, phân phối và tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng văn hoá) những nguồn tài nguyên quan trọng này, học sinh sẽ tìm hiểu sự phong phú về nông nghiệp (và sự hấp dẫn nội tại về kinh tế) của Đông Nam Á, cũng như về lối sống, hệ thống tín ngưỡng và truyền thống của các dân tộc trong khu vực. Học sinh cũng sẽ học cách kinh doanh các mặt hàng sinh lợi này, đặc biệt là gia vị, đã tác động đến nền kinh tế thế giới, những mối quan hệ quyền lực chính và đến sự cân bằng quyền lực toàn cầu, cũng như là sự ra đời của khoa học và công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông đường biển và thời đại của sự tìm tòi, khám phá.

Do tầm quan trọng của lúa gạo và gia vị không chỉ đơn thuần là những mặt hàng kinh doanh, học sinh cũng sẽ tìm hiểu tầm quan trọng về văn hoá và tín ngưỡng của lúa gạo và gia vị trong bối cảnh vũ trụ học và thế giới quan Đông Nam Á. . Thông qua các nghi lễ, thần thoại và huyền thoại, nhất là liên quan tới lúa gạo, học sinh sẽ có sự hiểu biết đa sắc thái về Đông Nam Á và cách các cộng đồng tạo dựng ý nghĩa về thế giới của họ cũng như chuyển giao những ký ức lịch sử và truyền thống của họ. Họ cũng sẽ học các truyền thuyết này đã được lưu truyền và lý giải như thế nào qua thời gian và không gian.

Thông qua các bài giảng, học sinh sẽ có hiểu biết sâu sắc hơn về mối quan hệ năng động và biện chứng giữa con người và thiên nhiên. Học sinh sẽ nghiên cứu sự ảnh hưởng của hệ vật lý như đất, nước và mùa đối với sản xuất nông nghiệp, và sự tác động của những hoạt động của con người tới hệ sinh thái như nạn phá rừng, sự đọng bùn và những hình thức suy thoái môi trường sinh thái khác. Song song đó, học sinh cũng sẽ tìm hiểu các những cách thức khác nhau mà người dân Đông Nam Á tìm kiếm để gây ảnh hưởng và đàm phán với môi trường và các thế lực khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của họ (như hạn hán và lũ lụt), cùng với sự thích ứng sáng tạo thông qua những phát minh, công nghệ và nghi lễ. Qua việc tìm hiểu những cách thức năng động mà mỗi cá nhân và cộng đồng tương tác với môi trường, như việc lựa chọn loài cây trồng và áp dụng các phương pháp canh tác, sẽ cung cấp cho học sinh một nền tảng quan trọng để hiểu về vai trò và sự tác động của công nghệ. Điều này cũng cho phép một sự thăm dò về tầm quan trọng và những cạm bẫy của sự thay đổi nhanh chóng do việc đổi mới gây nên và sự cấp thiết nhằm đảm bảo lợi ích công bằng đối với những cộng đồng bị ảnh hưởng.

Cuối cùng, bài học sẽ cung cấp cho học sinh cơ sở để hiểu về sự gặp gỡ, hợp tác, xung đột và chinh phục. Trong số những chủ đề đó, học sinh sẽ tìm hiểu về thương mại và những con đường thương mại, chủ nghĩa đế quốc, sự sáng tạo và phổ biến công nghệ, truyền thống truyền miệng và các hình thức nghệ thuật trong khu vực. Học sinh sẽ tìm hiểu về nguồn tài nguyên thiên nhiên, vốn là cơ sở của quan hệ thương mại, và các quan hệ thương mại này lại trở thành phương tiện cho sự truyền bá, trao đổi ý tưởng và kiến thức (không chỉ là hàng hoá), và cũng chính là những hối thúc về kinh tế dẫn đến sự nô dịch về chính trị và các công cuộc chinh phục.

Bằng cách kết hợp các chủ đề về thức ăn và văn hoá ẩm thực với lịch sử văn hoá-xã hội và chính trị của Đông Nam Á, chương trình giáo dục này hướng tới trang bị cho học sinh kiến thức và công cụ để hiểu biết hơn về khu vực trong sự kết nối, tương đồng và đa dạng, cũng như những cuộc gặp gỡ và mối quan hệ giữa Đông Nam Á và thế giới. Ngoài buôn bán và xuất khẩu thực phẩm, văn hoá ẩm thực cũng thể hiện sự khôn ngoan và tri thức khoa học đã được hun đúc và trao truyền qua các thế hệ, một vài trong số đó đã lan truyền tới phương Tây, cho thấy mức độ nghiên cứu và sự phát triển trong lĩnh vực y học và dinh dưỡng, cũng như những quan niệm về sức khoẻ và sự thịnh vượng. Hiểu được nguồn gốc của những tri thức và truyền thống này sẽ giúp học sinh đánh giá cao những luồng tư tưởng toàn cầu và những ảnh hưởng đến từ châu Á.

Thông qua tư duy phản biện, học sinh sẽ có được kiến thức nền tảng, công cụ và kỹ năng để hiểu hơn về quá khứ và thế giới hiện tại mà các em đang sống, về những mối liên hệ với môi trường xung quanh và với những dân tộc, những cộng đồng. Học sinh sẽ có được sự nhìn nhận sâu sắc hơn về sự đổi mới và năng động trong đời sống kinh tế, văn hoá và chính trị của khu vực Đông Nam Á, đồng thời nhận ra rằng ngay cả môi trường tự nhiên cũng không hề tĩnh tại. Những hệ thống kiến thức và kỹ năng này, cùng với hiểu biết của mình sẽ giúp các em trở thành những công dân có trách nhiệm, không chỉ của khu vực mà còn của thế giới, và giúp các em đưa ra những quyết định và tác động có hiểu biết đối với những thách thức đương đại..

**Tổng quan về chủ đề**

Lời giới thiệu tóm tắt ngắn gọn về lịch sử và tầm quan trọng về văn hoá-xã hội và kinh tế của lúa gạo và gia vị ở Đông Nam Á. Các kế hoạch bài học (bài học) tạo cơ hội cho giáo viên và học sinh nghiên cứu kỹ và sâu hơn về môn học thông qua việc tham gia tích cực vào từng chủ đề cụ thể.

***Bài 1: Giới thiệu về văn hóa lúa gạo; Tầm quan trọng của văn hóa lúa gạo ở Đông Nam Á như thế nào?***

Bài học này giới thiệu với học sinh lịch sử văn hoá lúa gạo, bao gồm phần trao đổi về thời kỳ đầu thuần hoá cây lúa và sự thích ứng với các phương pháp canh tác trên các địa hình đa dạng của Đông Nam Á. Qua nghiên cứu hệ thống sản xuất lúa gạo, học sinh cũng sẽ tìm hiểu về tổ chức xã hội, nền văn hoá và kinh tế nông nghiệp, sự phân bố lao động theo giới và văn hoá vật chất (ví dụ: kiến trúc) của các cộng đồng khác nhau ở Đông Nam Á. .

***Bài 2:*** ***Văn hóa ẩm thực và thức ăn ở Đông Nam Á; Tầm quan trọng của gia vị và các sản phẩm cá lên men trong ẩm thực ở Đông Nam Á là gì?***

Bài học này sử dụng thức ăn như một cánh cửa mở ra hiểu biết về sự tương đồng và khác biệt giữa các cộng đồng dân cư Đông Nam Á, đồng thời như một lăng kính để hiểu về lịch sử của việc di cư, tương tác và trao đổi của con người. Học sinh sẽ tìm hiểu cách văn hoá ẩm thực thể hiện sự hình thành bản sắc của cộng đồng và lan truyền theo các cá nhân khi họ di cư ra sao, từ đó góp phần khuếch tán và truyền bá nền văn hoá phong phú ở trong và ngoài khu vực. Học sinh cũng sẽ tìm hiểu cách thức chủ nghĩa thực dân và toàn cầu hoá gây ảnh hưởng tới văn hoá ẩm thực ở Đông Nam Á như thế nào.

.

***Bài 3: Văn hoá ẩm thực, thuốc và chữa bệnh***

Bài học này khai thác mối quan hệ giữa thức ăn và những quan niệm của Đông Nam Á về sức khoẻ và sự thịnh vượng. Học sinh sẽ tìm hiểu về dược tính của các thành phần thường được sử dụng trong ẩm thực Đông Nam Á như nghệ, sả, tỏi, ớt, cũng như cách sử dụng lúa gạo và gia vị khác nhau cho mục đích chữa bệnh, từ việc hiến lễ vật cho tới việc xua đuổi tà ma.

***Bài 4: Tâm linh, Huyền thoại và những truyền thuyết***

Bài học này cung cấp cho học sinh cơ hội tìm hiểu về ý nghĩa văn hoá và tôn giáo-chính trị của lúa gạo và gia vị trong văn hoá và xã hội Đông Nam Á. Học sinh sẽ nghiên cứu các nghi lễ nông nghiệp được tiến hành để đảm bảo mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu và để bày tỏ sự trân trọng đối với lúa gạo. Học sinh cũng sẽ nghiên cứu vai trò của lúa gạo và một số gia vị, ví dụ như quế trong các nghi lễ, bao gồm vai trò của lúa gạo trong nghi lễ tôn giáo và tang lễ.

***Bài 5: Gia vị, lúa gạo và lịch sử kinh tế ở Đông Nam Á***

Bài học này giới thiệu với học sinh về việc kinh doanh gia vị và các con đường thương mại kết nối Đông Nam Á và thế giới, những trung tâm hấp dẫn không chỉ đối với các hoạt động thương mại mà còn đối với sự trao đổi và phổ biến kiến thức, tư tưởng và những ảnh hưởng về văn hoá.

***Bài 6: Chủ nghĩa thực dân, đế quốc và việc kinh doanh gia vị***

Trong bài học này, học sinh sẽ nghiên cứu về những nhu cầu kinh tế cấp bách đã thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa thực dân phương Tây và quá trình thực dân hoá Đông Nam Á, tập trung vào việc kinh doanh gia vị kiếm lời trong sự tranh giành các nguồn tài nguyên quan trọng. Học sinh cũng sẽ tìm hiểu về mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế quốc gia và tư nhân, ví dụ Công ty Đông Ấn Hà Lan là một phần của các dự án hoàng gia, sự sai lệch do chủ nghĩa đế quốc phương Tây mang lại, những phản ứng của địa phương và khu vực đối với những thay đổi này.

***Bài 7: Lúa gạo, nợ nần và những khó khăn của vùng nông thôn ở Đông Nam Á***

Bài học này khuyến khích học sinh xem xét một cách thấu đáo những câu hỏi về sự bền vững và độc lập về sinh thái vì chúng liên quan đến sản xuất lúa gạo và lối sống nông nghiệp ở Đông Nam Á đương đại. Học sinh sẽ nghiên cứu sự phân nhánh các hoạt động là do cắt giảm xuất khẩu và sự phát triển, ví dụ như nạn phá rừng, chiếm đất vì lối sống kinh tế và văn hoá của những cộng đồng bị ảnh hưởng ở Đông Nam Á.

**Tính cấp thiết**

* Thông qua cách tiếp cận liên ngành, chương trình này cung cấp một cách tư duy mới về Đông Nam Á, một cách nghĩ vượt qua việc coi nhà nước-quốc gia là trung tâm vốn thường thấy trong hầu hết các chương trình giảng dạy hiện hành ở Đông Nam Á, hướng đến phương pháp phân tích lấy con người làm trung tâm.
* Chương trình khuyến khích tư duy phản biện thông qua sự tham gia vào các chuyên đề của môn học và nhấn mạnh vào phương pháp sư phạm như học tích cực, học theo dự án và học qua trải nghiệm.
* Chương trình này có thể sử dụng riêng biệt hoặc phối kết hợp với các bài học khác, ví dụ:
	+ Đông Nam Á và Thế giới (ví dụ sự phổ biến về các giống lúa từ miền trung Việt Nam tới Trung Quốc, kinh doanh gia vị, v.v...)
	+ Con người và Nơi chốn (việc sản xuất lúa gạo và gia vị, và thương mại trong mối liên hệ với sông ngòi và với các địa hình khác nhau ở Đông Nam Á)
	+ Các trung tâm quyền lực sớm (ví dụ: đế chế Ăng-co và niềm tin vào lúa và nước)

**Mục tiêu của bài học**

1. **Kiến thức:** Có kiến thức về mối quan hệ giữa tài nguyên nông nghiệp với lịch sử, văn hoá và xã hội ở Đông Nam Á; ý nghĩa thiêng liêng và biểu tượng của lúa gạo và vai trò của nông nghiệp trong đời sống kinh tế, chính trị và tinh thần của người dân Đông Nam Á; những biểu đạt khác nhau về vai trò của lúa gạo trong nghệ thuật và truyền thuyết Đông Nam Á; ý nghĩa văn hoá-xã hội của thức ăn và ẩm thực; mối liên hệ qua lại giữa Đông Nam Á và thế giới; nhu cầu khai thác tài nguyên thiên nhiên là yếu tố thúc đẩy chủ nghĩa đế quốc phương Tây; và ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của sự phát triển và toàn cầu hoá đối với cộng đồng và lối sống.
2. **Kỹ năng:**  Phát triển khả năng phân tích, thể hiện ở khả năng giải thích các đồ vật quen thuộc và những trải nghiệm hàng ngày vào bối cảnh rộng hơn của ý nghĩa và biểu tượng; hiểu được câu chuyện về con người, vừa tiếp nối vừa biến đổi, qua thời gian và không gian tham gia nghiên cứu tư duy phản biện về những vấn đề quan trọng đe doạ khu vực và thế giới trong thế kỷ 21.
3. **Thái độ:** Thụ đắc sự coi trọng sâu sắc hơn về sự đa dạng và mối liên kết lẫn nhau giữa các dân tộc và cộng đồng của Đông Nam Á và giữa Đông Nam Á với thế giới; hiểu biết sâu rộng hơn về sự độc lập giữa con người và môi trường và trong hệ sinh thái; hiểu biết rõ hơn về những luồng ảnh hưởng đa chiều, không chỉ từ phương Tây sang châu Á mà còn từ châu Á tới phương Tây, từ đó hiểu toàn diện hơn những khái niệm về phân chia quyền lực và các mối quan hệ quyền lực.

**Nội dung bài học**

Bài học này gồm 7 kế hoạch bài học, mỗi bài kèm theo phụ lục (ghi chép của giáo viên) và tài liệu phát tay. Các bài học được liệt kê như sau::

* Bài 1: Giới thiệu về văn hóa lúa gạo– Tầm quan trọng của văn hóa lúa gạo ở Đông Nam Á như thế nào?
* Bài 2: Văn hóa ẩm thực và thức ăn ở Đông Nam Á – Gia vị và sản phẩm cá lên men có giá trị gì trong ẩm thực Đông Nam Á?
* Bài 3: Văn hoá ẩm thực, thuốc và chữa bệnh
* Bài 4: Tâm linh, huyền thoại và những truyền thuyết
* Bài 5: Gia vị, lúa gạo và lịch sử kinh tế ở Đông Nam Á
* Bài 6: Chủ nghĩa thực dân, đế quốc và việc kinh doanh gia vị
* Bài 7: Lúa gạo, nợ nần và những khó khăn của vùng nông thôn ở Đông Nam Á (Từ thế kỷ thứ XXI đến XX)

**Bài giới thiệu tóm tắt** **[[1]](#footnote-1)**

1. **Văn hoá Lúa gạo và Gia vị ở Đông Nam Á**

Lúa gạo, có nguồn gốc ở châu Á, là nguyên liệu chính của 80% người dân Đông Nam Á. Tầm quan trọng của lúa gạo được nhấn mạnh trong nhiều ngôn ngữ Đông Nam Á bằng cách dùng như từ đồng nghĩa với thức ăn và ăn. Lời chào thường được sử dụng trong câu hỏi “Bạn đã ăn cơm chưa?” cho thấy tầm quan trọng mang tính xã hội của việc chia sẻ thức ăn và của lúa gạo. Ở những khu vực như miền đông Indonesia, nơi lúa gạo không phải là nguyên liệu chính, thì cây lúa vẫn đóng vai trò quan trọng trong xã hội và nghi lễ. Vì giá trị tự thân của nó, lúa gạo là hàng hoá chính và là cơ sở của sự giàu có lên của các gia đình nông dân, các cộng đồng và các quốc gia. Đế chế Ăng-co được xây dựng phần lớn nhờ vào hệ thống thuỷ lợi kiểm soát và điều tiết nguồn nước và việc mở rộng sản xuất lúa gạo.

Lịch sử lúa gạo rất thú vị bởi vì nó gắn liền với sự phát triển của xã hội loài người. Lúa gạo có thể đã được đưa đến Đông Nam Á bởi những người dân di cư từ Trung Quốc vào khoảng thời gian 3000 đến 2000 năm trước Công nguyên. Việc canh tác lúa trong khu vực rất đa dạng, phần do ảnh hưởng của kỹ thuật và tổ chức xã hội mà người Trung Quốc mang theo khi di cư, phần do những yếu tố bản địa. Với 120.000 giống lúa khác nhau phù hợp với các loại hình, phương thức canh tác (ruộng ướt hay ruộng khô, ruộng bậc thang hay canh tác vùng cao) có thể tìm thấy ở khắp Đông Nam Á. Ở một số khu vực miền núi Đông Nam Á, lúa được trồng với số lượng khiêm tốn cùng với các loại cây trồng khác trong canh tác nương rẫy, sử dụng các phương pháp luân canh để phát quang và cải tạo đất. Trong quá trình canh tác này, nông dân vùng cao gieo hạt lúa trực tiếp vào đất, dựa vào lượng mưa để tưới cho cây trồng. Trên các sườn núi như Sa Pa ở Việt Nam, Banaue ở Philippines và Bali ở Indonesia, nông dân đã tạo thành những bậc thang bằng phẳng, còn được gọi là ruộng bậc thang, có thể khá rộng hoặc rất hẹp, nhằm lưu trữ và quản lý nước mưa để trồng lúa. Những kiến thức truyền thống trong việc xây dựng và giữ gìn các ruộng bậc thang này đã được truyền qua các thế hệ trong hàng ngàn năm qua.

Lúa cũng được trồng rộng rãi trong khu vực như là loại cây trồng duy nhất, liên quan đến các phương pháp sử dụng nhiều lao động và nước, và cần có sự hợp tác giữa những người nông dân. Những vùng đất thấp với những dòng sông dồi dào là lý tưởng cho phương pháp canh tác ‘lúa nước’ này. Do các con sông ở Đông Nam Á có thể dâng cao vài mét trong mùa mưa, nên nông dân sống ở bờ sông sử dụng nhiều giống lúa đặc biệt, được gọi là lúa nổi nổi hay lúa nước sâu, là loại lúa mọc nhanh và cao hơn để luôn ở trên mặt nước. Ở những khu vực xa sông, hồ hoặc hồ chứa, kênh đào được xây dựng để đưa nước từ những nguồn này đến ruộng lúa. Các giống lúa cần nhiều nước sẽ phát triển tốt nhất trên một cánh đồng ngập nước, và các đập, đê thường được xây dựng để giữ nước, điều này cũng giúp ngăn chặn sự phát triển của cỏ dại.

Tỷ lệ của hệ thống thuỷ lợi tuỳ thuộc vào đất đai và khí hậu. Ở cao nguyên, với lượng mưa cao như bán đảo Malaysia và Sumatra, lúa được tưới nước mưa nên không cần nhiều hệ thống thuỷ lợi. Tuy nhiên, ở Bali, hệ thống thuỷ lợi phức hợp là cần thiết để đưa nước từ khe suối sâu vào tới ruộng đồng. Nơi đất khô như ở miền nam Việt Nam, miền nam Thái Lan và miền trung của Miến Điện thậm chí còn cần hệ thống thuỷ điện lớn hơn và thường phải do nhà nước xây dựng. Ở những nơi như Irrawaddy và đồng bằng sông Mê-công thì hệ thống thuỷ lợi được mở rộng vì lúa gạo đã trở thành sản phẩm xuất khẩu từ thế kỷ 15 và 16 và nhiều hơn nữa ở thế kỷ 19 và 20, dưới thời kỳ thực dân Anh và Pháp. Do tính chất cần nhiều lao động của phương pháp canh tác lúa này, cần có sự hợp tác giữa nông dân để xây dựng và quản lý hệ thống thủy lợi, và khi cần thiết, để tập hợp lao động cho các nhiệm vụ khác nhau, từ việc chuẩn bị đồng ruộng đến thu hoạch.

Lúa gạo cũng có những ảnh hưởng về xã hội và chính trị. Ở vùng Đông Nam Á nội địa, giữa kỷ nguyên thứ nhất và thứ hai, những nhà nước Pyu, Môn, Khơ-me, và Chăm đã được nhà nước Miến Điện, Thái và Đại Việt kế tục. Một giải thích có lý cho hiện tượng này là một sự thay đổi lớn về canh tác lúa gạo. Những nhà nước trước đó thực hành nông nghiệp cấy trồng quy mô nhỏ, trồng nhiều loại hoa màu và sử dụng nước lũ. Thế nhưng, những nhà nước về sau lại dựa vào thâm canh lúa. Họ đã có thể tổ chức những người nông dân làm việc cùng nhau và xây những công trình thuỷ lợi lớn. Thông qua việc làm chủ nguồn nước, họ có thể tăng năng suất lúa hàng năm, trong một số trường hợp thông qua việc tăng số lượng vụ mùa thu hoạch mỗi năm, giúp các quốc gia này có thể duy trì dân số lớn, để tiến hành chiến tranh và mở rộng lãnh thổ.

Ngoài các phương thức canh tác, các loại hạt được trồng và tiêu thụ chính là những dấu hiệu quan trọng của bản sắc văn hoá và dân tộc. Ở Lào, 85% của hơn 3000 giống lúa là lúa nếp, dẫn đến “gạo nếp” là nguyên liệu tiêu thụ chính đối với người Lào ở đồng bằng chứ không phải là gạo tẻ như của các dân tộc miền núi và hầu hết khu vực lục địa của Đông Nam Á. Vì những mối liên hệ về lịch sử và dân tộc với Lào nên gạo nếp cũng là nguyên liệu chính ở miền bắc và đông bắc Thái Lan.

Vì tầm quan trọng như vậy nên lúa gạo cho thấy nhiều khía cạnh về tổ chức xã hội và truyền thống văn hoá ở Đông Nam Á. Nó cũng là nguồn cảm hứng cho truyền thống văn chương và truyền thuyết, tín ngưỡng, nghi lễ, thực hành và biểu hiện nghệ thuật của Đông Nam Á, thể hiện ở hoa văn lúa gạo được khắc trên trống đồng Đông Sơn và trong nghệ thuật đương đại.

.

 Tương tự như lúa gạo, gia vị cũng có tính năng nổi bật trong ẩm thực, truyền thống văn hoá và lịch sử kinh tế của Đông Nam Á. Do tính chất dược liệu và tính thơm nên gia vị rất quan trọng trong nấu ăn, chữa bệnh và nghi lễ ở Đông Nam Á. Sau này gia vị được biết đến nhiều hơn khi như là các thành phần dùng trong nấu ăn và bảo quản thức ăn, gia vị là một mặt hàng quan trọng và hấp dẫn trong thế kỷ 15-16. Khi nhu cầu về nguồn gia vị như đinh hương, hạt tiêu, nhân và vỏ của hạt nhục đậu khấu[[2]](#footnote-2) lên cao, đặc biệt là ở châu Âu và Trung Quốc thì Đông Nam Á trở thành trung tâm thương mại toàn cầu. Việc buôn bán gia vị ở Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ tới mức nó được biết đến là “kỷ nguyên thương mại,” là một điển hình của lịch sử toàn cầu cho thấy các kết nối đa diện, nghĩa là giữa các quốc gia, giữa thương mại và chính trị, và giữa xã hội và tôn giáo. Lúa gạo, trong giai đoạn đầu, đã tác động chủ yếu đến sự phát triển chính trị xã hội ở Đông Nam Á, đặc biệt là trong sự khởi đầu của quyền lực thay đổiở các quốc gia và đế chế trong khu vực. Tuy nhiên, mối liên kết về chính trị, xã hội và văn hóa được tạo ra thông qua việc kinh doanh gia vị không chỉ giữa Đông Nam Á và lục địa, mà còn giữa Đông Nam Á và thế giới.

# II. Gia vị, Lúa gạo và Lịch sử kinh tế Đông Nam Á

#  *Kinh doanh gia vị: Kết nối Đông Nam Á với thế giới trong thế kỷ XV-XVI*

Với sự phát hiện ra đinh hương và nhục đậu khấu mọc tự nhiên trên đảo Maluku (Moluccas) ở Sulawesi, hòn đảo mà người châu Âu gọi là “Đảo gia vị”, Đông Nam Á trở thành con đường thương mại quan trọng cho những thương gia châu Âu, đầu tiên là người Bố Đào Nha, sau đó là người Hà lan, người Anh và ở mức độ thấp hơn là người Tây ban nha. Tuy nhiên, người châu Âu không phải là những thương gia duy nhất. Những nhà buôn từ Trung Đông, Ấn Độ và Trung Quốc cũng có vai trò lớn. Đầu thế kỷ 15, triều đình nhà Minh điều bảy hạm đội dưới quyền điều khiển của Đô đốc Trịnh Hồ đi biển. Các hạm đội không chỉ mang gia vị từ Đông Nam Á về mà còn thúc đẩy việc trồng hồ tiêu trên diện rộng ở Sumatra cho thị trường Trung Quốc. Sau đó, triều đình không mấy mặn mà với thương mại trên biển nữa, nhưng những thương gia Trung Quốc ở tỉnh đông nam Phúc Kiến vẫn tiếp tục buôn bán với Đông Nam Á. Một số người lập gia đình với phụ nữ địa phương và ở lại khu vực. Con cháu họ ngày nay là những cư dân Đông Nam Á.

Quan trọng không kém, những cư dân châu Á cũng tham gia tích cực vào việc buôn bán gia vị, vừa với tư cách là người canh tác, trồng các cây gia vị với số lượng lớn như loại cây công nghiệp, vừa là những thương lái vận chuyển hàng tới các cảng biển trong khu vực. Việc buôn bán này diễn ra từ bán đảo Malay-Indonessia và những khu vực thương mại trên biển lớn ở eo biển Malacca, biển Java và biển Sulu, hình thành nên “thế giới thương mại Mã-lai” ở Đông Nam Á hải đảo.

Việc buôn bán gia vị cũng kích thích quá trình đô thị hoá. Những nhà buôn Trung Quốc, Ấn Độ, Ả-rập, châu Âu và những thương gia từ các khu vực khác của Đông Nam Á tụ tập tại cảng để làm ăn. Những cảng thị như Melaka (hay Malacca), Makassar (ở Sulawesi) và Banten (ở Java), đã trở thành những trung tâm đô thị lớn với dân số đa văn hoá bằng với, hay thậm chí là lớn hơn các thành phố châu Âu cùng thời. Mặc dù tiếng Mã Lai thường được sử dụng với tư cách là *lingua franca (ngôn ngữ giao tiếp thương mại)*, vẫn có nhiều ngôn ngữ khác nhau được sử dụng tại các cảng thị. Nhà thám hiểm Tomé Pires người Bồ Đào Nha cho rằng có 84 ngôn ngữ đã được sử dụng ở Melaka.

Việc buôn bán gia vị làm thay đổi xã hội ở Đông Nam Á, đồng thời cũng gây ảnh hưởng về chính trị. Những người cai trị ở các cảng thị trở nên giàu có, phát sinh doanh thu chủ yếu từ thương mại, chứ không phải là sản xuất nông nghiệp dựa vào lúa gạo. Sự giàu có của họ làm cho các cảng thị trở nên hùng mạnh về chính trị và quân sự. Một số thương cảng đã trở thành “tiểu bang thuốc súng” sử dụng pháo để có thể thống trị các vùng sâu, vùng xa và các quốc gia yếu hơn. Cán cân quyền lực đã được chuyển từ nội địa ra bờ biển. Những tiểu bang này đã giúp đặt nền tảng cho các nhà nước tập trung quyền lực của Đông Nam Á hiện đại. Cùng với việc gia tăng sự giàu có và quyền lực, các cảng thị cũng trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào các khu vực khác của vùng Đông Nam Á. Vì hoạt động kinh tế của họ xoay quanh việc buôn bán, họ không thể nuôi được lượng dân cư đông đúc mà phải dựa vào việc nhập khẩu thực phẩm. Những cảng ở Đông Nam Á lục địa như Ayutthaya (ở Thái Lan), Pegu (Miến Điện), Hà Nội và Huế (Việt Nam) và Phnom Penh (Campuchia) cung cấp lúa gạo và những thực phẩm khác cho các cảng ở quần đảo. Chính các cảng nội địa cũng trở nên giàu có và hùng mạnh.

Về văn hoá, đáng chú ý là việc buôn bán gia vị đã truyền bá rộng rãi những tôn giáo của thế giới là Hồi giáo và Phật giáo đến khu vực ở Đông Nam Á – trước đây gọi là hải đảo Đông Nam Á, đặc biệt sau này là Phật giáo Theravada, ở lục địa. Là một phần của sự lan toả Hồi giáo đến Trung Đông và Ấn Độ, những nhà buôn Ả rập và Ấn Độ mang tôn giáo đến Đông Nam Á. Là những trung tâm đô thị lớn, cảng thị hỗ trợ việc chuyển đạo của người dân sang đạo mới. Lần lượt, những người cai trị sử dụng Hồi giáo và Phật giáo để hợp pháp hoá quyền lực của họ.

#  *Kinh doanh gia vị, sự đô hộ của châu Âu và phản ứng của khu vực (thế kỷ XVI-XVII)*

Nếu giai đoạn đầu của “kỷ nguyên thương mại” được đánh dấu bằng sự phát triển thương mại mạnh mẽ và sự phụ thuộc lẫn nhau thì nửa sau lại là xung đột toàn cầu và sự phản ứng của khu vực. Thế kỷ 16-17, Đông Nam Á vẫn còn liên hệ với thế giới và việc buôn bán toàn cầu tiếp tục phát triển, nhưng sự năng động đã thay đổi. Trước đó, người châu Âu, như những người trung gian, gần như là nhóm buôn bán duy nhất trong khu vực. Tuy nhiên, đến thế kỷ 16, 17, người Bồ Đào Nha và người Hà Lan đã bắt đầu tìm kiếm vị trí kinh doanh ưu thế hơn. Mục đích không còn là kinh doanh vì lợi nhuận nữa mà là thống trị các dòng chảy thương mại và loại bỏ đối thủ. Với người Bồ Đào Nha, sự khao khát thống trị cũng làm lan rộng cuộc xung đột toàn cầu giữa Ki-tô giáo và Hồi giáo.

Việc thúc đẩy thống trị của người châu Âu bắt buộc những thương gia và nhà cầm quyền ở Đông Nam Á có những phản ứng chống lại sự đe doạ này. Việc bắt giữ người Bồ Đào Nha của cảng trung chuyển Hồi giáo Melaka năm 1511 đã cho thấy một chiến thắng quá tốn kém. Cảng thị Melaka sớm suy tàn và các thương gia đã tản đi nơi khác để thiết lập những con đường thương mại mới như Aceh, Johor, Makassar, Banten, và Pattani để rồi sau đó trở thành những trung tâm quốc tế phát đạt. Người Bồ Đào Nha đã không thể thống trịviệc kinh doanh này, và Aceh, một vương quốc Hồi giáo, đã trở thành đối thủ không đội trời chung của họ.

Trong cuộc tranh giành quyền thống trị, người Hà Lan đã hiệu quả hơn trong việc thiết lập thế độc quyền kinh doanh ở thế kỷ 17 so với các cường quốc châu Âu khác. Năm 1602, những nhà buôn Hà Lan thành lập Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) với sự hỗ trợ của chính phủ Hà Lan. Công ty được uỷ quyền để thực hiện hiệp ước với nhà cầm quyền địa phương và thiết lập pháo đài trong khu vực Đông Nam Á. Công ty này mạnh hơn so với đối thủ chính, Công ty Đông Ấn của Anh, một công ty tư nhân cũng không có sự hỗ trợ của chính phủ. VOC sớm chiếm đóng các khu vực sản xuất gia vị ở Maluku: đảo Ambon năm 1606 và đảo Banda năm 1621. Nó cũng chiếm luôn cảng Batavia của người Java (Jakarta) năm 1619, và năm 1941, nó lấy Melaka khỏi tay người Bồ Đào Nha. Nhằm giảm nguồn cung và giữ giá cao, người Hà Lan thậm chí còn chặt cây đinh hương ở một số vùng của Maluku. Khoảng năm 1650, sự độc quyền của người Hà Lan đã thay thế thị trường tự do trong việc kinh doanh gia vị.

Mặc người Hà Lan đã nắm quyền thống trị về hàng hải và kiểm soát việc buôn bán gia vị, các thương gia nhỏ ở Đông Nam Á và nước ngoài tiếp tục giao dịch một cách độc lập đối với một số hàng hóa (bao gồm cả hạt tiêu), cả trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho VOC, sự độc quyền cũng gây ra cuộc chiến tranh kéo dài và tốn kém so với các thành phố cảng Makassar và Banten. Các cuộc xung đột cũng huỷ hoại Đông Nam Á. Cuối thế kỷ 17, toàn bộ cảng thị và “tiểu bang thuốc súng” đều biến mất, ngoại trừ Aceh.

# *Lúa gạo: Vốn, Nợ và Khó khăn ở nông thôn vùng Đông Nam Á (thế kỷ 19-20)*

Với sự suy thoái của việc kinh doanh gia vị, lúa gạo nhanh chóng trở nên quan trọng trong thương mại khu vực và toàn cầu vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Sự phát triển của công nghiệp lúa gạo củng cố thêm sự kết nối của Đông Nam Á với phần còn lại của thế giới. Nó cũng mang đến nhiều đổi thay, cả tích cực lẫn tiêu cực, làm ảnh hưởng tới nền kinh tế và xã hội Đông Nam Á. Vì việc canh tác lúa được mở rộng để xuất khẩu với khối lượng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu của cư dân ngày càng tăng ở Đông Nam Á và thế giới, số lượng lớn những người nông dân đã trở thành những người trồng lúa ở khắp khu vực, chủ yếu là ở lục địa - ở Miến Điện, Thái Lan và Đông Dương thuộc Pháp. Sự di cư của số lượng lớn cư dân các dân tộc tới những nơi trồng lúa mới cũng diễn ra – người Miến Điện đến lưu vực sông Irrawaddy, người Thái và người Việt Nam thì di cư tới đồng bằng sông Mekong và sông Hồng.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế không mang lại lợi ích cho số đông cư dân Đông Nam Á. Điều đó một phần là do bản chất không ổn định của nền kinh tế xuất khẩu, và một phần bởi vị trí yếu thế của Đông Nam Á trong nền kinh tế này. Trồng lúa để xuất khẩu gắn người nông dân vào nền kinh tế quốc tế dựa vào vốn, nghĩa là phụ thuộc vào tài chính và không chắc chắn. Những nông dân Đông Nam Á phải vay tiền để mua hạt giống, phân bón, các trang thiết bị cơ bản và nhân công, và cho những chi tiêu của cá nhân và gia đình như đám cưới chẳng hạn. Để vay tiền từ những người cho vay Trung Quốc và Ấn Độ, họ thường phải sử dụng đất để thế chấp. Những khoản vay khiến cho những người nông dân bị mắc nợ và rơi vào tình trạng yếu thế khiến cho sản lượng lúa giảm. Nhiều người trong số họ có nguy cơ bị mất đất nếu họ không trả được nợ, và phải mất một khoảng thời gian dài (7-10 năm) thì họ mới có thể thu được lợi nhuận.

Thêm vào đó, Đông Nam Á, ngoại trừ Thái Lan, lại chịu ách thống trị của thực dân châu Âu và Mỹ. Chính quyền phương Tây sử dụng các thuộc địa chủ yếu như nguồn cung cấp nguyên liệu thô và các sản phẩm nông nghiệp (như cao su, hồ tiêu và đường) và là thị trường cho hàng hoá do phương Tây sản xuất. Mối quan tâm chủ yếu của họ là đảm bảo lợi nhuận, đời sống người dân Đông Nam Á không được chú trọng. Hầu hết lợi nhuận lại không được tái đầu tư vào khu vực mà lại được rót về túi của các cổ đông ở phương Tây, và phúc lợi của người Đông Nam Á, ít được quan tâm hơn nhiều. Và như vậy, chính quyền thực dân không áp dụng các biện pháp để giảm thiểu sự tham gia của người nông dân vào nền kinh tế thế giới vì những biện pháp đó sẽ cắt giảm lợi nhuận của họ trong ngành công nghiệp lúa gạo. Ở Miến Điện, những cối xay lúa do người Anh làm chủ cố gắng giữ giá gạo thấp để tối ưu hoá lợi nhuận. Hơn nữa, chính quyền thực dân từ chối đa dạng hoá nền kinh tế khỏi những sản phẩm sơ chế, ví dụ là hướng tới các sản phẩm chế tác bằng máy móc, vì điều đó sẽ tạo ra sự cạnh tranh với các nhà máy phương Tây. Thậm chíThái Lan là nước không bị đô hộ thì nền kinh tế vẫn bị thống trị bởi lợi ích tư bản phương Tây và Trung Quốc, và cũng phụ thuộc vào việc xuất khẩu nông nghiệp.

Cuộc Đại Khủng hoảng vào những năm 1930s đã chứng kiến các mối nguy hiểm vốn có của nền kinh tế xuất khẩu. Vì sự đầu tư kinh doanh và tiêu dùng ở phương Tây được ký kết sau khi phố Wall sụp đổ năm 1929 nên cuộc Đại Khủng hoảng nhanh chóng lan rộng và tấn công khu vực Đông Nam Á, dẫn tới sự sụt giảm lớn trong giá gạo. Chỉ riêng trong khu vực Nam kỳ của Việt Nam, giá gạo năm 1934 giảm xuống chỉ gần bằng 1/5 giá trị năm 1929. Nhiều nông dân không thể trả nổi các khoản vay và phải giao nộp đất. Ở Thái Lan, giá gạo giảm 2/3 và giá trị đất giảm hơn 80%. Ở Miến Điện, nơi nhiều người nông dân đã bị mất đất vào tay những người cho vay thì cuộc Đại Khủng hoảng diễn ra cực kỳ nhanh chóng. Năm 1930, *chettiars* (những người cho vay Ấn Độ) sở hữu 1/5 đất ở vùng Hạ Miến Điện; năm 1937, họ đã sở hữu một nửa đất đai. Nhiều người nông dân đã trở thành nông dân làm thuê và người lao động làm thuê trên chính mảnh đất mà trước đây họ sở hữu; ở Hạ Miến Điện, gần 60% đất trồng lúa được giao cho những người nông dân làm thuê. Những người nông dân khác sống sót qua khó khăn bằng cách quay trở lại với nông nghiệp tự cung tự cấp.

Phản ứng của các nước thuộc địa đối với cuộc Đại Khủng hoảng là nửa vời và không đầy đủ. Ở các quốc gia như Malaya và Đống Ấn Hà Lan đã có luật để ngăn chặn việc chuyển nhượng đất từ người bản địa sang người nhập cư. Tuy nhiên, trên thực tế, những luật này không có hiệu lực và nhiều nông dân Malay và Java đã mất đất. Mặc dù việc mất đất ngày càng gia tăng, nhưng tư bản phương Tây đã thành công trong việc đảm bảo quyền lợi của họ khi ép các chính phủ thuộc địa không áp dụng bất cứ hình thức cải cách ruộng đất nào vì họ cho rằng sẽ ảnh hưởng tới lợi ích của ngành công nghiệp lúa gạo. Ở một số quốc gia, những người có quyền thế ở địa phương như một số địa chủ giàu có hay là các *tù trưởng* ở Philippines có ảnh hưởng lớn tới chính quyền thuộc địa Mỹ cũng không áp dụng cải cách ruộng đất. Chính quyền phương Tây đã không nỗ lực làm đa dạng hoá nền kinh tế sau cuộc Đại Khủng hoảng ở bất cứ nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á..

 Sự rối loạn kinh tế gây nên sự phân nhánh xã hội và chính trị nghiêm trọng. Ở Thái Lan, sự sụp đổ của ngành công nghiệp lúa gạo là một trong những lý do dẫn tới sự đảo chính để thiết lập nên nền quân chủ lập hiến vào năm 1932. Mặc dù nguồn gốc sâu xa của vấn đề này là chủ nghĩa thực dân và hệ thống tư bản thế giới, khó khăn đã đã thổi bùng sự thù địch của người dân địa phương đối với dân tộc thiểu số, đặc biệt là những người cho vay. Cuộc bạo loạn chống Ấn Độ đã nổ ra ở Miến Điện, và làn sóng chống di dân cũng nổi lên ở các nước khác.

**III. Lúa gạo và Xã hội ở Đông Nam Á**

1. ***Tổ chức xã hội***

Ở các cộng đồng trồng lúa, cấu trúc xã hội và mối quan hệ kinh tế-xã hội chủ yếu được xác định bởi chủ sở hữu và độ lớn của cánh đồng lúa, mặc dù những tài nguyên khác như vườn cây ăn quả và cây thốt nốt sản xuất đường cũng là nguồn thu nhập thêm của các gia đình nông thôn. Chủ sở hữu gia súc, gồm bò và trâu, cũng quan trọng, vì thuê trâu để cày cũng là một nguồn chi phí phát sinh ngay cả trước khi trồng lúa. Mối quan hệ kinh tế giữa những nông dân giàu có hay địa chủ và những nông dân không có ruộng đất có thể diễn ra dưới những hình thức khác nhau như là nông dân làm thuê, cấy rẽ, và lao động nông nghiệp theo mùa.

Nhiều cộng đồng trồng lúa ở Đông Nam Á tổ chức xã hội quanh hộ gia đình, có thể có nhiều thế hệ cùng sống, đôi khi cả họ hàng. Phong tục yêu đương, cưới hỏi và quy định về nơi ở cũng liên quan tới công ăn việc làm. Một trong những phong tục cổ ở Campuchia là yêu cầu chàng rể tương lai làm việc cho gia đình người phụ nữ như một cách để đánh giá tính cách anh ta. Nơi ở của một cặp vợ chồng sau khi cưới ảnh hưởng tới cơ hội việc làm và điều này thì ở mỗi nơi mỗi khác trong khu vực Đông Nam Á. Ở nơi thực hành chế độ ở rể thì cặp vợ chồng sống với gia đình cô dâu. Khả năng đưa thêm lao động về cho gia đình khiến cho con gái trở thành một tài sản chứ không phải là một gánh nặng kinh tế. Những khu vực của Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của Trung Quốc nhiều hơn thì chế độ phụ hệ chiếm ưu thế, lao động và các nguồn nhân lực khác được tổ chức theo dòng họ của người đàn ông. Ở nhiều cộng đồng miền núi làm nương rẫy thì hệ thống gia tộc phụ hệ tạo điều kiện huy động nguồn nhân lực cần thiết cho việc phát rừng, luân canh và bảo vệ nương rẫy. Ở những cộng đồng khác, một cặp vợ chồng mới cưới có thể lựa chọn nơi ở, tuỳ thuộc vào nhu cầu lao động. Với các gia đình hoặc bộ lạc không có con trai thì việc nhận con nuôi không chính thức, đôi khi là họ hàng xa, cũng là một cách để có thêm lực lượng lao động cần thiết.

1. ***Sản xuất lúa gạo, vai trò của giới và sự phối kết hợp trong làng xã***

Sản xuất lúa gạo đòi hỏi nguồn nhân lực lớn và trong hầu hết các cộng đồng nông nghiệp, cả đàn ông và phụ nữ đều làm việc đồng. Các hoạt động nông nghiệp dù sao cũng mang tính phân công về giới, ví dụ những việc nặng đòi hỏi sức khoẻ như cày sẽ do đàn ông đảm nhiệm, trong khi những việc khác như cấy, đập hay sàng sẩy lúa do phụ nữ làm. Sự tham gia làm kinh tế của phụ nữ còn diễn ra ở chợ- nơi bán thực phẩm và hàng hoá được sản xuất ở các làng nông nghiệp, như đường chẳng hạn. Phụ nữ cũng giữ vai trò quan trọng trong các nghi lễ sản xuất lúa gạo, ví dụ lựa chọn hạt giống tốt nhất cho mùa cấy trồng tiếp theo. Tuy nhiên, cùng với sự đa dạng, tất cả những yếu tố này góp phần làm cho vị trí của phụ nữ trong khu vực Đông Nam Á nói chung thuận lợi hơn so với các khu vực khác của châu Á. Ở các quốc gia như Campuchia, Lào và Thái Lan và ở nơi duy trì phong tục mẫu hệ ở Sumatra, phụ nữ có thể thừa kế đất đai, điều đó làm cho họ có thể có tài sản dành cho hôn nhân và có cơ sở cho sự độc lập về kinh tế. Tuy nhiên, hệ thống kế thừa cũng khiến cho các lô đất của nhiều gia đình bị co lại và dẫn đến khó khăn kinh tế gia tăng ở nhiều gia đình.

Do việc trồng lúa đòi hỏi phải thực hiện nhanh chóng trong những khoảng thời gian nhất định (ví dụ cấy hoặc gặt) nên nó thường phải có sự hợp tác lẫn nhau trong làng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các cộng đồng mà nghi lễ được gắn với kỹ thuật sản xuất, từ việc tính toán thời gian chính xác cho việc chuẩn bị đất cho tới việc cấy và gặt. Với hệ thống canh tác ruộng bậc thang *subak* ở Bali rất cần sự phối kết hợp để đảm bảo quản lý hiệu quả hệ thống thuỷ lợi của cộng đồng. Ở những nơi hệ thống sản xuất được tổ chức lỏng lẻo hơn, như ở Campuchia, thì sự đổi công (*provas dai*) hỗ trợ rất nhiều cho các hộ gia đình thiếu lao động. Điều này đặc biệt chính xác trong những thập kỷ gần đây với sự gia tăng của số lượng hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hoặc hộ gia đình có người tàn tật do hậu quả chiến tranh hoặc nạn diệt chủng. Như vậy, cần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc không nhìn nhận các xã hội Đông Nam Á là tĩnh tại. Chiến tranh, cách mạng, toàn cầu hoá và sự phát triển, cùng với sự xuất hiện của những công nghệ mới đã đem đến những thay đổi căn bản đối với đời sống xã hội, kinh tế và văn hoá Đông Nam Á.

Tính cộng đồng làng xã không chỉ bắt nguồn từ lợi ích thực dụng mà còn được nuôi dưỡng qua nhiều lễ hội và nghi lễ làm phong phú cuộc sống làng quê, trong đó lúa gạo đóng một vai trò trung tâm và thường được tổ chức phù hợp với chu kỳ nông nghiệp.

**IV. Lúa gạo và Gia vị: Tâm linh, Huyền thoại và Truyền thuyết**

1. **Thần lúa**

Vì giữ vai trò trung tâm trong đời sống Đông Nam Á nên lúa gạo thường được gắn với thế lực siêu nhiên và là biểu tượng của khả năng sinh sản và tái sinh, vì vậy, nó mang trong mình nhiều ý nghĩa về văn hoá và tôn giáo. Với người Toraja ở miền nam Sulawesi, năng lực sinh sản này được gắn với mặt trời mọc, thể hiện ở hoa văn mặt trời trong nghi lễ nông nghiệp và trong nghệ thuật. Lúa gạo cũng được tin là chứa thần linh hoặc linh hồn (*khwan* trong tiếng Thái) gắn liền với phụ nữ, tức là khả năng sinh sản, mặc dù ở Bali nó được tin là chứa đựng thần sinh sản nam. Ở Bali, “hôn nhân” của nữ thần lúa, Dewi Sri và anh trai, Sedana (tượng trưng cho thần sinh sản nam), thường được tổ chức trong mùa trồng lúa. Ở Thái Lan, các nghi lễ được tiến hành để đón tiếp thần lúa, Mae Prasop (từ *Mae*/mẹ cho thấy tính nữ), và “chào mừng lúa trong tử cung”. Ở nhiều nơi trong vùng Đông Nam Á, thân cây lúa được coi là có “chửa” khi hạt lúa bắt đầu hình thành và phải được chăm sóc để ngăn ngừa “sảy thai”. Lễ vật gồm một số thức ăn và sản phẩm đẹp được phụ nữ coi là tốt hoặc mong muốn cũng được làm cho vị thần “mang thai”. Những con dao đặc biệt cũng thường được sử dụng để thu hoạch hạt cho mùa cấy trồng năm sau, để không phạm lỗi và tránh bị thương. Sau mùa thu hoạch, thần lúa được mời đến trú ngụ trên cánh đồng thông qua nghi lễ và bùa chú, hạt giống được người già, hầu hết là phụ nữ, chọn lựa kỹ lưỡng cho mùa cấy năm sau và trân trọng mang về rồi cất giữ trong nhà người nông dân. Trong xã hội Sulawesi xưa kia, đàn ông bị cấm không được vào kho lưu trữ thóc.

Thần lúa được coi là thiêng vì lúa được tin là quà tặng của thần linh. Huyền thoại và truyền thuyết khác nhau của Đông Nam Á đều xoay quanh việc trao tặng hạt lúa cho con người. Ví dụ, người Bali cho là nguồn gốc của lúa gạo là do sự kết hợp ép buộc giữa Mẹ Đất và thần Vishnu, vị chúa của thế giới, người đã ép Indra, vị chúa của Thiên đàng mang kiến thức về canh tác lúa đến cho loài người. Ở đâu đó, hạt lúa được cho là xuất phát từ thân thể của các vị thần, hoặc là món quà nhân từ của thần.

Được coi là sức “sống”, mạnh mẽ và thần thánh, thần lúa được tôn trọng và nuôi dưỡng thông qua nhiều nghi thức, nghi lễ và thực hành hàng ngày. Theo chuyện kể về nguồn gốc cây lúa của người Khmer, một hạt lúa được mọc lên từ thiên đường và gắn mình với một kho lúa luôn luôn đầy mà không cần đến sức người cho đến khi chủ kho lúa buột miệng nói đuổi nó đi. Để ngăn chặn nạn đói, các nghi lễ phải được tiến hành để kêu nài thần lúa trở về. Cho tới ngày nay, trẻ em luôn bị nhắc là nếu làm đổ, lãng phí hoặc không tôn trọng thì “thần lúa sẽ bỏ đi”.

.Vì sự linh thiêng của lúa nên những khu vực liên quan đến sản xuất lúa – từ cánh đồng cho đến thùng đựng lúa hay kho lúa- cũng đều được coi là không gian thiêng, nơi diễn ra các nghi thức và nghi lễ nông nghiệp. Ví dụ, sẽ là bất kính nếu bước qua thùng đựng lúa. Cũng thường thấy những miếu nhỏ được dựng ở ruộng lúa để làm nơi trú ngụ cho thần lúa. Ý nghĩa văn hoá của lúa cũng thể hiện ở hoa văn lúa gạo được chạm khắc trên các dụng cụ nông nghiệp và những hình tượng văn học nghệ thuật khác.

.

1. ***Các nghi thức Nông nghiệp***

Canh tác lúa là một quá trình phức tạp và phụ thuộc nhiều vào sự biến đổi của tự nhiên. Mưa nhiều quá hoặc ít quá cũng ảnh hưởng tới vụ lúa. Để đảm bảo mối quan hệ hài hoà với tự nhiên để có được mùa màng bội thu thì các nghi lễ được thực hiện tại nhiều giai đoạn canh tác lúa, từ lúc chuẩn bị ruộng để cấy cho tới khi gặt và tích trữ lúa trong kho. Ở những vương quốc theo Phật giáo, người ta tin rằng vua giữ vai trò trung gian, thông qua các nghi lễ, kết nối đất trời để đảm bảo hòa bình và thịnh vượng trong vương quốc. Ở Thái-lan và Cam-pu-chia, ví dụ, thành viên trong gia đình hoàng gia hằng năm vẫn tiến hành nghi lễ truyền thống đánh dấu sự bắt đầu mùa trồng lúa và tái hiện cảnh cày ruộng. Những chú bò hoàng gia mời ăn các loại hạt khác nhau. Loại hạt nào bò ăn sẽ được coi là dự báo cho mùa vụ của năm. Trong làng, ngày tốt để bắt đầu cấy lúa cũng được người già lựa chọn.

Do tính thiêng liêng của lúa gạo nên nông dân ở nhiều nơi trong khu vực Đông Nam Á tiến hành quá trình làm sạch trước khi làm mùa. Nông dân Bali và Iban cũng làm sạch ruộng với nước thiêng trước khi cấy. Ở đồng bằng của Lào, nông dân tiến hành nghi lễ trong quá trình cấy để cảm ơn ruộng đất đã “đón” và nuôi dưỡng những mầm lúa non. Ở Sarawak, nông dân Iban tổ chức nhảy múa sau khi gieo hạt, đeo mặt nạ để xua đuổi tà ma khỏi lấy trộm hạt giống, và một nghi lễ khác, lễ Gawai Padi, để mừng kết thúc việc trồng lúa và một vụ mùa bội thu.

1. ***Lúa gạo như là những Lễ vật***

Lúa gạo đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá và xã hội vùng Đông Nam Á. Biểu tượng lúa gạo đánh dấu nghi lễ chuyển giai đoạn của Đông Nam Á, ví dụ khi một đứa trẻ ra đời được đặt trong chiếc mẹt sảy gạo, một thiếu nữ Thái được tặng một nắm cơm nếp (*khau lam*) khi đang tìm hiểu, và người ta rải gạo rang trong suốt lễ đưa tang. Lễ vật là gạo và việc chia gạo diễn ra trong nhiều lễ hội và nghi lễ liên quan tới sinh nở, lễ ăn hỏi, đám cưới, lễ phong chức và lễ tang. Chúng quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng và củng cố mối quan hệ xã hội giữa họ hàng và cộng đồng, giữa các thế hệ, mà còn giữa những người sống và linh hồn người đã khuất. Nhiều nghi lễ Phật giáo như *Pchum Ben*, “ngày của người chết” ở Campuchia đều có việc dâng thức ăn cho nhà sư như một cách để làm phúc, và dâng thức ăn và công đức tới tổ tiên cầu mong sự bảo vệ và phù hộ. Việc dâng cúng thức ăn cho những người túng thiếu cũng như việc chia sẻ thức ăn cho những người đến lễ chùa cũng là một cách để tích đức và làm phúc. Ở Borneo, người ta tin là việc chia sẻ thức ăn trong cộng đồng là quá trình mà sức mạnh được trao truyền từ thế hệ già sang thế hệ trẻ. Lễ vật là lúa gạo và rượu gạo cũng được dâng cúng tổ tiên tại gia đình, đặt tại các miếu dưới gốc cây hay bên đường để dâng cúng các địa linh. Ngược lại, ăn chay tại các lễ phong chức của đạo Phật hay trong lễ Ramadan cũng là cách để công đức và xua đổi tà ma.

1. ***Gia vị, Tâm linh và Chữa bệnh***

Cũng giống như lúa gạo, một số loại gia vị cũng được sử dụng trong nghi lễ và thi thức nông nghiệp. Vì nghệ được tin là có tính “hàn” nên nó thường được kết hợp trong nghi lễ trồng lúa. Nghệ cũng thường được trồng xung quanh ruộng lúa. Nó được sử dụng để chữa bệnh và làm bùa chú xua đổi tà ma và bảo vệ trẻ em khỏi những linh hồn của người đã khuất. Ở một số nơi ở Malaysia, gạo nấu với nghệ được sử dụng trong nghi lễ cưới xin. Ở người Karen, gạo và nghệ được đắp lên trán của người bị chuột rút sau khi tắm như là lễ vật dâng cúng thần nước. Ở cư dân Samré vùng cao của Campuchia, gừng được sử dụng trong những nghi lễ của cộng đồng.

**V. Thức ăn, Sức khoẻ và Chữa bệnh**

1. ***Thức ăn và Quan niệm của Đông Nam Á về sự Khoẻ mạnh***

Trong thế giới Đông Nam Á, sự khoẻ mạnh, cho dù theo nghĩa an toàn về sức khoẻ của cá nhân hay của cộng đồng, đều là khái niệm trọng tâm về mối liên hệ lẫn nhau và sự cân bằng. Bệnh tật được coi là kết quả của sự mất cân bằng sinh lý trong cơ thể, nhưng cũng bởi sự ảnh hưởng do tà ma gây ra. Ngược lại, sự khoẻ mạnh là tổng hoà không phân biệt giữa cơ thể và tâm hồn, hay giữa thế giới thực thể và vũ trụ quan bởi vì người ta tin rằng sức khoẻ của cơ thể gắn với thế giới xung quanh. Theo quan niệm chữa bệnh của người Java, sức khoẻ của cơ thể đạt được không chỉ bằng cách giữ cân bằng nội tại của một người thông qua ăn uống mà còn bằng cách tạo dựng được mối quan hệ xã hội hài hoà thông qua việc giải quyết xung đột.

Thức ăn là yếu tố quan trọng trong việc điều tiết sự cân bằng nhờ ăn kiêng và dâng cúng lễ vật trong các nghi lễ. Vì thức ăn được coi là có tính nhiệt hoặc tính hàn nên cơ thể con người có thể được điều chỉnh thông qua cách tiêu thụ thức ăn. Những phụ nữ mang thai bị cấm ăn một số loại thức ăn vì chúng được coi là sẽ gây hại tới thai nhi. Tương tự, một số loại cây thuốc thường được ngâm trong rượu để tăng cường tính “nhiệt” cho phụ nữ mới sinh, những người vẫn được coi là trong trạng thái “lạnh” sau khi sinh, những loại thuốc này còn sử dụng để loại bỏ “máu xấu” và lấy lại sự cân bằng nội tại. Người ta cũng cho phụ nữ ăn một số thức ăn đặc biệt để tiết sữa và để “bồi bổ thần kinh.” Những tri thức và bài thuốc dân gian này được truyền từ người già hay bà đỡ, từ mẹ sang con gái và là nguồn chữa bệnh chính cho phụ nữ trong làng.

Với hạn chế về thuốc tây, nhiều nơi ở nông thôn Đông Nam Á vẫn dựa chính vào các cây thuốc nam. Nhiều cây thuốc được sử dụng trong nấu ăn ở Đông Nam Á có chứa các hoạt chất chữa bệnh. Tỏi, sả và rau mùi được sử dụng nhiều trong các món ăn Đông Nam Á có tác dụng ngăn nguy cơ nhiễm trùng, cùng với ớt giúp tăng cường khả năng miễn dịch. Các thành phần khác như nghệ và húng quế cũng chứa nhiều hoạt chất chữa bệnh quan trọng, đặc biệt là các bệnh tiêu hoá thường gặp. Nghệ vốn từ lâu đã được sử dụng cho mục đích tôn giáo và nghi lễ ở Ấn Độ cũng được sử dụng rộng rãi ở Đông Nam Á cho các mục đích chữa bệnh và nghi lễ trong thời kỳ mang thai, sinh nở, cưới hỏi và tang lễ.

Các món ăn trong khu vực thường dùng những nguyên liệu không chỉ phản ánh sự phong phú mà còn xem là thứ cần thiết để chống lại những phiền toái thường gặp. Mướp đắng ở châu Á từ lâu đã được sử dụng để chống lại bệnh tiểu đường, còn *sdao* đắng (Khmer) được biết đến tác dụng chống sốt rét. Bên cạnh những cây trồng và rau sẵn có, nhiều cộng đồng sống ở miền núi còn dựa vào nguồn cây và nguyên liệu thuốc lấy được trong rừng. Tri thức về các cây thuốc được trao truyền tại chỗ qua các thế hệ trong những chuyến đi rừng. Với nạn phá rừng, những nguồn lợi tự nhiên này đang nhanh chóng mất đi, cùng với đó là những tri thức dân gian truyền thống phong phú.

Mặc dù nhiều tri thức truyền thống được truyền lại thông qua truyền miệng nhưng vẫn tồn tại những tư liệu viết về các bài thuốc dân gian. Những nguyên lý y học chỉ rõ yếu tố và nguồn bệnh, cũng như các công thức điều chế thuốc, các loại rễ, quả, lá và thuốc sắc sử dụng để điều trị các loại bệnh khác nhau đã được ghi nhận trong các văn bản cổ. Những tư liệu gần đây hơn như các bài thuốc của Vua Narai (1657–1688), và những chữ khắc trên các bức tường của Wat Pho ở Bangkok cũng là nguồn tư liệu quan trọng về tri thức khoa học truyền thống.

.

1. ***Thức ăn, Nghi lễ và Giữ gìn Sức khoẻ***

Thức ăn cũng tác động tới việc chữa bệnh và giữ gìn sức khoẻ theo những cách khác nhau. Bên cạnh việc mất cân bằng sinh lý, người ta cũng tin là bệnh tật là do sự vi phạm đến trật tự của vũ trụ, vì thế phải tổ chức chuộc tội bằng các lễ vật. Người Hmong cũng tin rằng một cơ thể không còn khoẻ mạnh là vì những linh hồn bị mất đi do bệnh tật và phải được lấy lại thông qua nghi lễ chữa bệnh. Cách chữa bệnh truyền thống, nhất là đối với những hành vi vi phạm đạo đức, thường có lễ vật đi kèm. Lễ vật rất đa dạng, thường do thầy cúng, người lên đồng hay người già đề ra. Các thầy lang thường dâng lễ vật cho những người thầy tinh thần của mình trước khi bắt đầu chữa bệnh. Người ốm cũng thường dâng lễ vật sau khi được chữa khỏi bệnh.

1. ***Văn hoá Ẩm thực và Món ăn của Đông Nam Á***

Thức ăn rất quan trọng trong đời sống xã hội vùng Đông Nam Á. Thông qua lúa gạo và các sản phẩm từ lúa gạo như mỳ gạo là những nguyên liệu chính trong hầu hết các món ăn thì các món ăn của Đông Nam Á phản ánh sự đa đạng về dân tộc, địa vị xã hội và địa lý, từ các món ăn hoàng gia, các đồ ăn thành thị, các món ăn cơ bản ở nông thôn và những đặc sản và hương vị của khu vực. Ẩm thực cao cấp Đông Nam Á được thể hiện qua các món ăn đòi hỏi nhiều sức lao động và thời gian, không chỉ trong việc chuẩn bị mà còn trong trình bày đồ ăn. Việc tỉa rau củ quả là một nghệ thuật cổ và vẫn được áp dụng rộng rãi trong tầng lớp cao của xã hội. Do cá có nhiều nên cá là món ăn quan trọng trong bữa ăn của người Đông Nam Á, đồng thời các sản phẩm cá, tôm lên men như nước mắm hay mắm nêm được sử dụng làm nguyên liệu và đồ gia vị trong nấu ăn. Bò, lợn và gia cầm cũng được tiêu thụ, trừ khi bị cấm bởi những niềm tin tín ngưỡng, và dựa vào khả năng chi trả.

Nhiệm vụ đi chợ, bán hàng và chuẩn bị đồ ăn thường rơi vào người phụ nữ và điều này giải thích cho sự nữ tính trong mối liên hệ với từ *mé* (mẹ, người lãnh đạo) trong *mé chakrann* (tiếng Khmer có nghĩa là chủ bếp) hay *mae krua* (Thái). Đàn ông cũng làm một số nhiệm vụ cụ thể như nướng hoặc rang, đặc biệt trong một số cộng đồng người Hoa và trong các nhà hàng thì đàn ông cũng nấu ăn. Các món ăn cũng được phân loại, như một số món ăn được ăn kèm khi uống rượu và chủ yếu dành cho đàn ông. Cũng có các loại đồ ăn và thức uống dành cho những dịp đặc biệt. Ở Việt Nam và Campuchia, bánh gạo nếp, nhân thịt lợn được gói bằng lá dong hoặc lá chuối được làm nhân dịp Năm mới và những dịp lễ khác như đám cưới. Món *rendang* của Malaysia và *rellenos* của Philippines thường được chuẩn bị cho những dịp đặc biệt.

1. ***Thức ăn, Sự gặp gỡ và Ảnh hưởng của Ẩm thực***

.Cùng với việc phản ánh giai cấp, địa lý và giới, quá trình chuẩn bị và các loại thức ăn cũng phản ánh lịch sử phong phú của sự tiếp xúc và trao đổi bên trong và bên ngoài khu vực. Nằm giữa Trung Quốc và Ấn Độ, cùng với lịch sử lâu dài của nhiều quốc gia dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây, các món ăn Đông Nam Á phản ánh những ảnh hưởng của văn hoá. Những người buôn bán, di cư và định cư Trung Quốc đã mang theo những ảnh hưởng về ẩm thực thể hiện qua các món ăn như mỳ, và kỹ thuật nấu nướng như xào. Những ảnh hưởng này rõ nét nhất ở Việt Nam và Singapore, nhất là việc sử dụng đũa, đồng thời rộng khắp khu vực, nhất là ở các trung tâm đô thị. Các bữa tiệc kiểu Trung Quốc cũng rất phổ biến trong các đám cưới. Ẩm thực Đông Nam Á cũng phản ánh sự thích ứng; ví dụ, *nonya* là một món ăn độc đáo kết hợp giữa truyền thống ẩm thực Malay và Trung Quốc.

# Ảnh hưởng của Ấn Độ như món cà-ri nước dừa ở phương Tây cũng như ở Đông Nam Á gây ảnh hưởng đầu tiên ở cung điện hoàng gia trước khi trở nên phổ biến khắp Đông Nam Á ngày nay. Vào thế kỷ 15, món cà-ri kiểu Ấn Độ, cùng với loại bánh ngọt được sử dụng trong nghi lễ Bà-la-môn được đế chế Angkor mang tới Ayutthaya. Ảnh hưởng trực tiếp từ Ấn Độ thể hiện rõ trong ẩm thực Miến Điện như việc trộn thêm nghệ vào tương ớt. Nhiều gia vị được sử dụng trong ẩm thực Ấn Độ như đinh hương, quế, quế thường được rang và xay để tăng hương vị, cũng được sử dụng trong các món ăn Đông Nam Á. Mặc dù món ăn như cà-ri được tìm thấy ở nhiều nơi trong vùng Đông Nam Á, những biến thể tinh tế, chẳng hạn như dạng bột có chứa thành phần các loại gia vị được sử dụng để nấu ăn là những nét chính để phân biệt bản sắc dân tộc và khu vực.

Sự tiếp xúc với châu Âu, bao gồm quãng thời gian dài dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, Anh và Hà Lan, cũng để lại dấu ấn với văn hoá ẩm thực địa phương. Bánh mì dài của Pháp, cà phê và sữa đặc có đường là bữa sáng quen thuộc. Các món ăn quen thuộc khác như bánh mì Việt Nam là sự tiếp thu thức ăn nhập khẩu, ví dụ banh mi-bánh mì, cũng như sự kết hợp món ăn chế biến sẵn vào các món địa phương như Worcestershire trong nước chấm *nonya*. Nhờ mối liên hệ thương mại với Bồ Đào Nha, ớt miền trung Mỹ đã được mang đến và trở thành nguyên liệu không thể thiếu trong các món ăn Đông Nam Á. Nhiều món tráng miệng Thái Lan và Campuchia trước đây có liên hệ với hoàng gia cũng có nguồn gốc Bồ Đào Nha. Món tráng miệng lòng đỏ trứng ngọt có tên gọi *kanom foi thong,* là sự du nhập của món *fio de ovos (trứng dây)* Bồ Đào Nha. Sự thích nghi và đưa vào thực đơn của hoàng gia một số công thức chế biến món tráng miệng là do công của Mary Gimard, người vợ Bồ Đào Nha gốc Nhật Bản của Constance Phaulkon, Thủ tướng dưới thời Vua Narai của Ayutthaya (1656–1688).

Ảnh hưởng văn hoá của thức ăn cũng lan từ Đông Nam Á sang châu Âu, chủ yếu qua sự tiếp xúc thực dân. “Bàn ăn cơm”, *Rijstaffel*, kiểu Hà Lan với nhiều món ăn Indonesia hoàn toàn là ảnh hưởng của thuộc địa. Ở Pháp, món nem cũng phổ biến ở khắp các cửa hàng và nhà hàng món ăn ngon. Với sự gia tăng của du lịch đến khu vực và di cư từ khu vực, ẩm thực Đông Nam Á đã trở thành một phần của bức tranh văn hoá của phương Tây thông qua sự phát triển của các nhà hàng Đông Nam Á. Từ cửa hàng Thái đầu tiên được mở năm 1964, món ăn Thái như *pad thai* đã trở thành món chính trong ẩm thực Hoa Kỳ, trong khi phở và bánh mì Việt Nam trở thành một phần của xu hướng ẩm thực ở California và New York.

**Tài liệu tham khảo**

**Bài 1**

Dorian Q. Fuller & Ling Qin. 2009. “Water Management and Labour in the Origins and

Dispersal of Asian Rice” [“*Quản lý nước và lao động trong thời kỳ Sơ khai và Sự phân tán của lúa gạo Châu Á”]. World Archaeology*.[*Khảo cổ học thế giới]* 41:1, 88-111

O’Connor. Richard A. 1995. “Agricultural Change and Ethnic Succession in Southeast Asian States: A Case for Regional Anthropology” [“Thay đổi về nông nghiệp và sự kế thừa dân tộc trong các quốc gia Đông Nam Á: Một trường hợp cho Nhân học khu vực”]. *The Journal of Asian Studies* *[Tạp chí Nghiên cứu châu Á ]* Tập. 54, Số. 4 (Tháng 11.), tr. 968-996

Geertz, Clifford, “The Wet and the Dry: Traditional Irrigation in Bali and Morocco” [“Ướt và Khô: Hệ thống tưới tiêu truyền thống ở Bali và Morocco”], Human Ecology, [Sinh thái loài người], Tập. 1 Số. 1, 1972.

Halpern, Joel và Peter Kundstadter, Lào: Giới thiệu. Laos: Introduction. In Peter Kundstadter, Southeast Asian Tribes, Minorities and Nations [Trong Peter Kundstadter, Các bộ tộc, dân tộc và quốc gia Đông Nam Á], ed. Princeton, N.J.: [biên tập. Princeton, N.J.: NXB Đại học Princeton], 1967.

Peter Kundstadter, Southeast Asian Tribes, Minorities and Nations. [Các bộ tộc, dân tộc và quốc gia Đông Nam Á], ed. Princeton [biên tập. Princeton, N.J.: NXB Đại học Princeton, 1967].

Hanks, L. Rice and Man: Agricultural ecology in Southeast Asia. [Lúa gạo và Con người: Hệ sinh thái nông nghiệp ở Đông Nam Á], Chicago: Aldine-Atherton, 1972

Janowski, Monica: Kinship and Food in South East Asia. [Họ hàng và Thức ăn ở Đông Nam Á], NXB NIA, 2007.

Wolters, Willlem. 2007. ‘Geographical Explanations for the Distribution of Irrigation Institutions: Cases from Southeast Asia’ [‘Những lý giải mang tính địa lý về sự phân bố của các tổ chức thuỷ lợi: Trường hợp từ Đông Nam Á], trong Peter Boomgaard (bt.), A World of Water: Rain, Rivers and Seas in Southeast Asian Histories. [Một thế giới Nước: Mưa, Sông và Biển trong Lịch sử Đông Nam Á]. Leiden: NXB KITLV, tr. 187-209

**Bài 2**

Van Esterik, Penny. 2008. Food Culture in Southeast Asia. [Văn hóa thức ăn ở Đông Nam Á]. Nhà xuất bản Greenwood, Westport Connecticut.

Turner, Jack. 2004. Spice, Vintage Books, New York. [Gia vị, Sách về Rượu, New York].

Kanit Muntarbhorn. 2007. Gastronomy in Asia .[Ẩm thực ở châu Á], Bk. Bangkok 1, Nhà xuất bản Bangkok: M. T.

**Bài 3**

Van Esterik, Penny. 2008. Food Culture in Southeast Asia .[Văn hóa thức ăn ở Đông Nam Á]. Greenwood Press [Nhà xuất bản Greenwood], Westport Connecticut.

Van Esterik, Penny. 1988. To strengthen and Refresh: Herbal Therapy. Social Science & Medicine. [Để tăng cường và làm mới: Chữa bệnh, Khoa học xã hội & Y khoa.

Nicolas Savajol, Vanny Toun and John Sam. 2011. Traditional Therapeutic Knowledge of the Bunong People in Northeastern : Healers, their Practices and Medicinal Plants, [Những người chữa bệnh, Thực hành và Cây thuốc của họ], Phiên bản Nomad RSI Campuchia, Phnom- Penh

David E. Sopher. 1964. ‘Indigenous Uses of Turmeric (Curcuma domestica) in Asia and Oceania” Anthropos, [‘Công dụng củ nghệ của người bản địa (Curcuma domestica) ở Châu Á và Châu Đại Dương’] Anthropos, Bd. 59, H. 1./2. Tr. 93-127.

**Bài 4**

PIPER, Jacqueline M. 1993. Rice in Southeast Asia: Cultures and Landscapes. [Lúa gạo ở Đông Nam Á: Văn hoá và cảnh quan]. Kuala Lumpur: NXB Đại học Oxford.

Van Esterik, P. 1984. Rice And Milk In Thai Buddhism: Symbolic And Social Values Of Basic Food Substances. [Gạo và sữa trong Phật giáo Thái Lan: Giá trị tượng trưng và xã hội của các chất thực phẩm cơ bản]. Crossroads: An Interdisciplinary Journal of Southeast Asian Studies [Một tạp chí liên ngành về nghiên cứu Đông Nam Á], Tập. 2, Số. 1 (), Trg. 46-58

Hanks, L.M. 1972. Rice and man.[Lúa gạo và Con người]. Chicago: NXB Aldine

Tambiah, S.J. 1970. Buddhism and the spirit cults of Northeast Thailand [Phật giáo và các giáo phái tinh thần của Đông Bắc Thái Lan]. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge

Poree-Maspero, E. 1964. Etude sur les rites agraires des Cambodgiens. [Nghiên cứu về các nghi lễ nông nghiệp của người Campuchia]. Paris: Mouton and Co

Nguyen Xuan Hien, Tran Thia Giang Lien and Hoang Luong, “Rice in the Life of the Vietnamese Tháy and Their Folk Literature, [“Cây lúa trong đời sống người Thái ở Việt Nam và văn học dân gian của họ”], Anthropos, Bd. 99 H.1, 2004, tr. 11-141.

# Bài 5 and Bài 6

Andaya, Barbara Watson và Leonard Y. Andaya. 2015. A History of Early Modern Southeast Asia. [Lịch sử Đông Nam Á cận đại, 1400-1800]. Cambridge; New York: NXB Đại học Cambridge.

Cortesao, Armando (bt.). 2005. The Suma Oriental of Tome Pires: An Account of the East, from the Red Sea to China. [Quyển Suma Oriental của Tome Pires: Một bản báo cáo về phương Đông, từ biển Đỏ đến Trung Quốc]. 2 Vols. New Delhi: Asian Educational Services. [2 tập. New Dehli: Asian Educational Services].

Donkin, R.A. 2003. Between East and West: The Moluccas and the Traffic in Spices up to the Arrival of Europeans. Philadelphia. [Giữa Đông và Tây: Đảo Malaku và việc buôn bán gia vị cho tới khi người châu Âu đến. Philadelphia]. American Philosophical Society. [Hội triết học Hoa Kỳ].

Hall, Kenneth R. 1985. ‘The Opening of the Malay World to European Trade in the Sixteenth Century’. [‘Thế giới Mã Lai mở cửa với thương mại châu Âu trong thế kỷ 16’]. Journal of the Malaysian Branch of the Royal Asiatic Society. [Tạp chí Xã hội châu Á Hoàng gia chi nhánh Malaysia] Tập 58, Số 2 (249), tr. 85-106.

Reid, Anthony. 2015. A History of Southeast Asia: Critical Crossroads. [Lịch sử Đông Nam Á: Những giao lộ quan trọng]. Chichester, England: Wiley Blackwell.

# Bài 7

Adas, Michael. 1974. ‘Immigrant Asians and the Economic Impact of European Imperialism: The Role of the South Indian Chettiars in British Burma’. [‘Những người di cư châu Á và ảnh hưởng về kinh tế của chủ nghĩa đế quốc châu Âu: Vai trò của những người cho vay tín dụng gốc Nam Ấn Độ ở Miến Điện thuộc Anh]. The Journal of Asian Studies.[Tạp chí Nghiên cứu châu Á] Tập. 33, Số. 3 Tháng 5, tr. 385-401.

Cheng, Siok Hwa. 1965. ‘Land Tenure Problems in Burma, 1852 to 1940’. [‘Vấn đề về quyền sử sụng đất ở Miến Điện, 1852 đến 1940’]. Journal of the Malaysian Branch of the Royal Asiatic Society. [Tạp chí của Hội Châu Á Hoàng gia chi nhánh Malaysia] 38 (1) (207), Tháng 7, tr. 106-134.

Owen, Norman G. (bt.). 2005. The Emergence of Modern Southeast Asia: A New History. [Sự nổi lên của Đông Nam Á hiện đại: Một Lịch sử mới]. Honolulu, HI: NXB Đại học Hawaii.

Tarling, Nicholas (bt.). 1992. The Cambridge History of Southeast Asia. Volume 2: The Nineteenth and Twentieth Centuries. [Lịch sử Cambridge về Đông Nam Á. Tập 2: Thế kỷ 19 và thế kỷ 20]., UK; New York, NY, USA: NXB Đại học Cambridge.

Tate, D.J.M. 1979. The Making of Modern Southeast Asia. Volume 2: The Western Impact: Economic and Social Change. [Sự hình thành Đông Nam Á hiện đại. Tập 2: Ảnh hưởng của phương Tây: Thay đổi về kinh tế và xã hội]. NXB Đại học Oxford.

1. Tạm dịch từ *Integrated Essay* (bài viết tóm tắt) [↑](#footnote-ref-1)
2. Nhục đậu khấu (nutmeg) là một loài cây gia vị ở Indonesia. Nutmeg rất được ưa chuộng ở châu Âu vào thời kỳ Trung Cổ. Người ta tin rằng nutmeg có thể chữa được bệnh dịch hạch, nên giá của nutmeg bị đẩy lên rất cao [↑](#footnote-ref-2)